

Điện Biên, ngày 03 tháng 02 năm 2025

Số: 02/BC-OE

BÁO CÁO

Tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 về việc quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 2135/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 05 năm 2020 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2233/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên; Quyết định số 1284/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2022 v/v gia hạn cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên trực thuộc Công ty CP Giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc;

Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên báo cáo tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. Hồ sơ của Trung tâm

- Giấy phép kinh doanh số: 2500618944-013 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Điện Biên cấp ngày 03/04/2020;

- Quyết định thành lập trung tâm số: 2135/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên cấp ngày 28/05/2020 v/v cho phép thành lập Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên;

- Quyết định cho phép trung tâm hoạt động giáo dục số: 2233/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên cấp ngày ngày tháng 6 năm 2020 v/v cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tiếng anh đối với Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên trực thuộc Công ty CP Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc;

- Quyết định số 1284/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2022 v/v gia hạn cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên trực thuộc Công ty CP Giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc;

- Nội quy tổ chức hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên.

- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc số: 1933/TB-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo Điện Biên cấp ngày 13/08/2022 v/v công nhận chức danh Giám đốc Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên.

- Hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, kế toán, thủ quỹ, bao gồm: Sơ yếu lý lịch, bằng cấp, CMND, hộ khẩu.

- Hồ sơ minh chứng về đất đai, tài sản, cơ sở vật chất của Trung tâm, bao gồm: Hợp đồng thuê nhà số 1903/2020/HĐTN-OE ngày 30/10/2019 giữa Ông Nguyễn Văn Lại bà Lê Thị Loan và Công ty CP Giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc và Phụ lục đính kèm, báo cáo về trang thiết bị làm việc của Trung tâm;

- Hồ sơ quản lý các hoạt động dạy học của trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên

II. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng

1. Trang thiết bị làm việc của văn phòng; lớp học, phòng thực hành, cơ sở phục vụ đào tạo trong đó phải có văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm (Phụ lục số 01 kèm theo)

Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên đặt tại: Số 567 Võ Nguyên Giáp, Phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Trung tâm có diện tích sử dụng 460m², bao gồm: 05 phòng học và phòng làm việc, trong đó có văn phòng, phòng học, thư viện, trang thiết bị, phương tiện dạy học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Cụ thể:

- Phòng học: phòng London (số 1), phòng Paris (số 2), phòng Manila (số 3), phòng số 4.

- Thiết bị văn phòng: bàn, ghế, máy tính, máy in, máy photocopy ...và các thiết bị khác;

- Các điều kiện theo quy định về phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường, y tế và an ninh của trung tâm.

- Việc trang bị các biển hướng dẫn, thông báo, nội qui và bình bột Phòng cháy chữa cháy; văn bản cấp phép của phòng PCCC.

- Kinh phí hoạt động: 500.000.000 đồng

2. Chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học, học phí, lệ phí (Phụ lục 02)

a) Chương trình, tài liệu dạy học

- Các chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và sử dụng các giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc các tài liệu khác không trái với các quy định của pháp luật, gồm:

+) Đào tạo Chương trình Anh văn nhi đồng (từ 4 đến 6 tuổi) - PRE PRIMARY COURSE,

+) Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi) - PRIMARY COURSES,

+) Tiếng Anh học thuật trung học - English for secondary & high school (từ 11 - 16 tuổi),

+) Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên), Tiếng Anh giao tiếp quốc tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)

- Tài liệu dạy học, gồm: Little Learning Stars A, Little Learning Stars B, Hide and Seek 1, Hide and Seek 2, Hide and Seek 3, Academy Stars Starter A, Academy Stars Starter B, Academy Stars 1, Academy Stars 2, Academy Stars 3, Academy Stars 4, Academy Stars 5, Gateway A1+, Gateway A2, Focus on IELTS Coursebook, Focus on IELTS Foundation Coursebook, Expert IELTS 5 Coursebook, Expert IELTS 6 Coursebook, Expert IELTS 7.5 Coursebook, English File Beginner, English File Elementary, IELTS Introduction, IELTS Foundation, Improve Your Skills for Ielts 4.5, Ielts Express, Achieve Ielts 1, Achieve Ielts 2, Ready for Ielts 2nd Edition, Improve Your Skills for Ielts 6.0, Direct to Ielts, Graduation + Study Skills, The Complete Guide to Ielts, New English File Beginner, Introducing Guide to the TOEIC test, Achieve TOEIC Bridge, Complete Guide to the TOEIC test, Easy Pass 1, Easy Pass 2, Easy Pass 3, Express to the TOEIC Test 1, Express to the TOEIC Test 2, Challenge to the TOEIC Test 1, Challenge to the TOEIC Test 2, Challenge to the TOEIC Test 3, Achieve TOEIC

b) Học phí, lệ phí

- Học phí thu các khóa học cụ thể như sau:

STT	Tên Chương trình	Thời gian học/khóa	Số giờ học/khóa	Học phí thu (dự kiến)	
				Nước ngoài (VNĐ/ tháng)	Việt Nam (VNĐ/ tháng)
1	Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 4 đến 6 tuổi)	96 giờ/khóa	- 48 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2 giờ); - 64 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ).	2.989.000 đồng	
2	Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi)	96 giờ/khóa	- 48 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2 giờ); - 64 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ).	2.989.000 đồng	
3	Tiếng Anh học thuật trung học	72 giờ/khóa	- 36 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2	- 2.989.000 đồng/ 1 tháng	

	(từ 11 – 16 tuổi)		giờ); - 48 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ)	áp dụng Chương trình không có IELTS - 3.989.000 đồng/ 1 tháng áp dụng Chương trình có IELTS	
4	Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên)	48 giờ/khóa	- 24 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2 giờ); - 32 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ).	2.989.000 đồng	
		72 giờ/khóa	- 36 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2 giờ); - 48 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ).	3.989.000 đồng	
5	Tiếng Anh giao tiếp quốc tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)	48 giờ/khóa	- 24 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 2 giờ); - 32 buổi/khóa (áp dụng với những buổi học 1.5 giờ)	2.989.000 đồng	

(Các chương trình chi tiết kèm theo Phụ lục số 02)

- Lệ phí: Không

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia giảng dạy, nhân viên

- Cán bộ quản lý của trung tâm: Số lượng: 02, trình độ theo quy định (bao gồm: 01 Giám đốc trung tâm, 01 Quản lý trung tâm)

- Giáo viên của Trung tâm: Số lượng: 02 giáo viên. Trong đó:

+ Giáo viên dạy tiếng Anh là người nước ngoài: 02 người; trình độ: cử nhân, văn bằng, chứng chỉ; việc sử dụng và quản lý giáo viên người nước ngoài (giấy phép lao động, hộ chiếu, visa, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ Tesol, chứng chỉ tiếng anh C2, hợp đồng lao động, kèm theo);

+ Giáo viên nước ngoài: Đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy ngoại ngữ đạt chuẩn, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Giáo viên là người nước ngoài có bằng cấp sư phạm tiếng anh hoặc chuyên ngành tiếng anh và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

+ Giáo viên người Việt Nam: 0 người; trình độ....: văn bằng, chứng chỉ:; hồ sơ giáo viên.

- Nhân viên: 11 Số lượng, trình độ: từ trung cấp trở lên
(Phụ lục 03 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên)

III. Kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ

- Công tác quản lý, chỉ đạo tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh.
- Công tác quản lý, chỉ đạo việc chọn, cử giảng viên tham gia giảng dạy và việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của trung tâm.
- Công tác quản lý học sinh, học viên.
- Số lớp, số học viên theo từng loại hình, trình độ giai đoạn 2020-2022:

Năm	Loại hình	Số học viên đăng ký mới	Đã học xong	Đang học	Ghi chú
2022	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 4 đến 6 tuổi) - Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi) - Tiếng Anh học thuật trung học (từ 11 – 16 tuổi) - Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên) - Tiếng Anh giao tiếp quốc tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)	90	90	0	
2023	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 4 đến 6 tuổi) - Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi) - Tiếng Anh học thuật trung học (từ 11 – 16 tuổi) - Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên)	105	105	0	

6189
CÔNG TY
PHÂN
DỤC V
ĐÀO TẠO
H PHÚC
TỈNH PHÚ

	- Tiếng Anh giao tiếp quốc tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)				
2024	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 4 đến 6 tuổi) - Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi) - Tiếng Anh học thuật trung học (từ 11 – 16 tuổi) - Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên) - Tiếng Anh giao tiếp quốc tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)	101	101	0	
Tổng số		296	296	0	

- Chứng chỉ sẽ cấp cho học viên khi kết thúc khóa học; Công tác quản lý, cấp phát chứng chỉ (nếu có): Trung tâm không cấp chứng chỉ, chỉ cấp chứng nhận hoàn thành khóa học cho học viên

IV. Công tác quản lý tài chính của trung tâm

a) Nguồn tài chính:

- Tổng thu từ học phí trong năm 2022: 1.844.916.680 VNĐ, năm 2023: 3.065.987.974VNĐ, năm 2024: 3.815.783.001VNĐ

- Tổng chi mua sắm trang thiết bị, công cụ học tập năm học 2022: 103.927.559 VNĐ, năm 2023: 450.814.035 VNĐ, năm 2024: 405.807.765 VNĐ, năm 2025: 4.169.850 VNĐ

- Chi phí thuê nhà: 290.400.000 VNĐ

- Chi phí trả lương nhân viên, đóng bảo hiểm, Chi phí điện, nước, mạng, điện thoại và các chi phí dịch vụ khác

- Việc thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính của trung tâm; việc chấp hành các chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, thống kê báo cáo định kỳ và công khai tài chính theo quy định của pháp luật: Công ty thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, báo cáo tài chính, đóng bảo hiểm cho người lao động sau khi kết thúc 2 tháng thử việc, quyết toán thuế thu nhập cá nhân,...

V. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên được đầu tư bài bản về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự. Với cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại, được trang bị đầy đủ đảm bảo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại

ngữ tại trung tâm, Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên đã khẳng định được thương hiệu của mình trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Trung tâm thường có 04 phòng học với diện tích 23-32m² đảm bảo 1,5m²/học viên. Mỗi phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, loa, bàn ghế đầy đủ.

- Đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy ngoại ngữ đạt chuẩn, theo đúng quy định của pháp luật. Giáo viên là người nước ngoài có bằng cấp chuyên môn sư phạm và có kỹ năng giảng dạy. Trung tâm có 02 giáo viên người nước ngoài cùng đội ngũ nhân viên tư vấn tận tình hỗ trợ mọi thời điểm, mọi thắc mắc cho học viên.

- Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao chất lượng chuyên môn cho giáo viên, đào tạo đội ngũ nhân viên làm việc bài bản.

- Trung tâm đã có con dấu riêng để đảm bảo tính pháp lý khi tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của trung tâm.

- Chương trình học ngoại ngữ tại trung tâm theo khung chương trình của Bộ GD&ĐT đã được đa dạng hóa để phù hợp với các đối tượng học viên. Các trung tâm đã phân loại học viên theo lứa tuổi và theo trình độ để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhìn chung Trung tâm ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên đã cập nhật đủ các văn bản đạo của Sở GD&ĐT Điện Biên về công tác giảng dạy ngoại ngữ có sự tham gia của người nước ngoài. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ với người nước ngoài của trung tâm có mục đích nhằm tạo điều kiện cho người học được nâng cao kỹ năng nghe nói ngoại ngữ và góp phần đáp ứng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ của đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế:

- Chi phí thuê cơ sở vật chất còn ở mức cao và chi phí từ việc sử dụng lao động là người nước ngoài).

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu và quản lý còn hạn chế về mặt số lượng, công tác xin giấy phép lao động và thị thực cho giáo viên nước ngoài gặp nhiều khó khăn và yêu cầu khắt khe hơn về mặt thủ tục, hồ sơ giấy tờ

- Khó khăn từ sự cạnh tranh giữa các Trung tâm đang hoạt động trong cùng một thị trường: về mức giá học phí; chương trình ưu đãi, sự kiện...

- Công tác liên kết, giao lưu trong các trường học còn gặp nhiều khó khăn

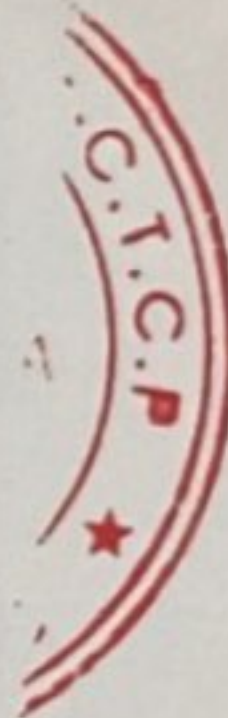
3. Nguyên nhân

- Trung tâm chưa nắm rõ được nhiều quy định, thủ tục, hồ sơ giấy tờ tại tỉnh Điện Biên trong quá trình hoạt động trung tâm ngoại ngữ, quản lý giáo viên người nước ngoài.

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Với Sở GDĐT

- Rất mong được Sở GD và ĐT tỉnh Điện Biên, Phòng GD thành phố Điện Biên Phủ tạo điều kiện hơn nữa cho trung tâm được liên kết rộng rãi tới các trường trên địa bàn thành phố, các trường tuyến huyện để tổ chức các hoạt động giao lưu, giáo dục ngoài giờ chính



khóa, các chương trình trải nghiệm giáo dục, các cuộc thi đánh giá năng lực tiếng anh với giáo viên nước ngoài giúp học viên có thêm nhiều cơ hội nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh đã học tại trường và trung tâm nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngoại ngữ của tỉnh nhà.

- Rất mong các Sở ban ngành đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin đối với những thủ tục hành chính đơn giản và liên thông giữa các Sở ban ngành để Trung tâm có thể phát huy tối đa khả năng.

2. Với các Sở, ngành có liên quan

Trên đây là báo cáo của Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên về tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025. Kính mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Sở Giáo dục và Đào tạo để Trung tâm được hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Kim Liên

Phụ lục 01

TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC CỦA VĂN PHÒNG,
LỚP HỌC, CƠ SỞ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-OE ngày 03 tháng 02 năm 2025 của
Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên thuộc Công ty Cổ phần giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc)

TT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học	phòng	4	Phòng 1: 26 m ² Phòng 2: 26 m ² Phòng 3: 32 m ² Phòng 4: 32 m ²
	Phòng làm việc + Thư viện	Phòng	1	Phòng làm việc : 12m ²
	Phòng chờ (chỗ nghỉ cho giáo viên và học sinh)	Phòng	1	Phòng lễ tân : 60m2
II	Trang thiết bị			
1	Bàn giáo viên	cái	5	
2	Bàn + ghế học sinh	bộ	-78 bộ bàn ghế - 12 bàn cong -35 ghế nhựa	
3	Bảng	cái	5	
4	Sách, giáo trình	bộ		
5	Máy tính	cái	5	
6	Máy in	cái	3	
7	Bàn làm việc Văn phòng	cái	2	
8	Ti vi	cái	4	
9	Tủ đựng tài liệu	cái	1	
10	Bàn ghế Sofa	bộ	1	

Phụ lục 02:**CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU DẠY HỌC, HỌC PHÍ***(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-OE ngày 03 tháng 02 năm 2025 của**Trung tâm Ngoại ngữ Ocean Edu Điện Biên thuộc Công ty Cổ phần giáo dục và đào tạo**Vĩnh Phúc***1. Chương trình Tiếng anh mẫu giáo(từ 4-6 tuổi) – PRE PRIMARY COURSE.**

ANH NGỮ THIẾU NHI					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
A0 (Kindy)	Pre kindy: Little Learning Stars	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Kindy 1: Hide and seek 1	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Kindy 1: Hide and seek 2	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Pre_A1	Kindy 1: Hide and seek 3	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18

2. Chương trình : Anh văn thiếu nhi(từ 6-11 tuổi) – PRIMARY COURSE

- Là chương trình học ngoại ngữ gồm 3 trình độ với 6 cấp độ được soạn thảo đặc biệt dành cho học sinh tiểu học.

ANH NGỮ THIẾU NHI					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Bậc 1 (pre - A1)	Academy Stars Starter	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Academy Stars1	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 2 (A1)	Academy Stars2	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Academy Stars3	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Academy Stars4	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 3 (A2)	Academy Stars5	96 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18

3. Anh Ngữ Thiếu niên (11 – 16 tuổi) – ENGLISSH FOR SECONDARY & HIGH SCHOOL

- Là chương trình học ngoại ngữ gồm 3 trình độ với 10 cấp độ được soạn thảo đặc biệt dành cho các học viên từ 11-16 tuổi.

ANH NGỮ THIẾU NIÊN (Từ 11 đến 16 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình, tài liệu)	Giờ học	Học phí (VNĐ)		Học phí (VNĐ)
			Nước ngoài	Việt Nam	
Bậc 2(A2)	Teens 1A và 1B: Gate way A1+	72giờ	2.989.000đ/ tháng		2.989.000đ/ tháng
	Teens 2A và 2B: Gate way A2	72 giờ	2.989.000đ/ tháng		2.989.000đ/ tháng
Bậc 3(B1)	Pre- IELTS: Focus on IELTS Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng
	IELTS 4.0: Focus on IELTS Foundation Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng
	IELTS 4.5: Expert IELTS 5 Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng
Bậc 4 (B2)	IELTS 5.0: Expert IELTS 6 Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng
	IELTS 5.5: Expert IELTS 7.5 Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng
	IELTS 6.0: Expert IELTS 7.5 Coursebook	72 giờ	3.989.000đ/ tháng		3.989.000đ/ tháng

4. Tiếng Anh: luyện thi IETLS (từ 16 tuổi trở lên)

Khóa học:

TIẾNG ANH LUYỆN THI IELTS				
Trìn h độ	Cấp độ	Giờ học	Học phí (VNĐ)	Học phí (VNĐ)

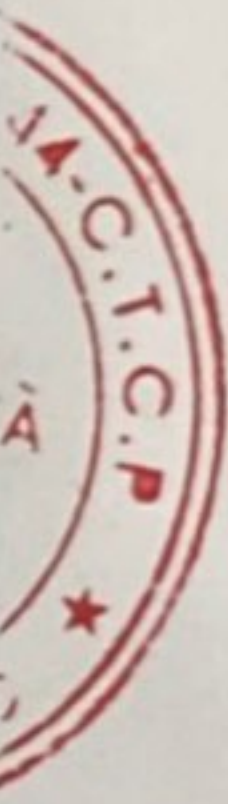
			Nước ngoài	Việt Nam	
Bậc 1(A1)	Starters: English File Beginner	48 giờ	2.989.000đ/tháng		2.989.000đ/tháng
	Higher Starters: English File Beginner	48 giờ	2.989.000đ/tháng		2.989.000đ/tháng
Bậc 2(A2)	Elementary: English File Elementary	48 giờ	2.989.000đ/tháng		2.989.000đ/tháng
	Higher Elementary: English File Elementary	48 giờ	2.989.000đ/tháng		2.989.000đ/tháng
Bậc 3 (B1)	Pre-IELTS: Ielts Introduction	72giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 4.0: Ielts Founduction	72giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 4.5: Improve Your Skills for Ielts 4.5	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
Bậc 4 (B2)	IELTS 5.0: Ielts Express	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 5.5: Achieve Ielts 1	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 6.0: Achieve Ielts 2	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng

Bậc 5 (C1)	IELTS 6.5: Ready for Ielts 2 nd Edition	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 7.0: Improve Your Skills for Ielts 6.0	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 7.5: Direct to Ielts	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
Bậc 6 (C2)	IELTS 8.0: Graduation + Study Skills	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng
	IELTS 8.5: The complete Guide to Ielts	72 giờ	3.989.000đ/tháng		3.989.000đ/tháng

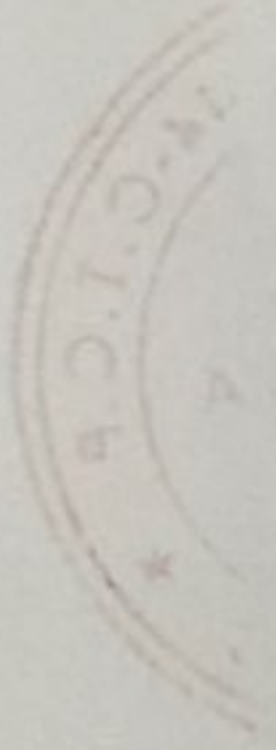
5. Luyện thi Tiếng anh giao tiếp quốc tế Toeic, Khoá học từ 16 tuổi trở lên

TIẾNG ANH GIAO TIẾP QUỐC TẾ TOEIC					
Trình độ	Cấp lớp	Giờ học	Học phí (VNĐ)		HV/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	

Bậc 1 (A1)	GN 1A: New English File Beginner	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	GN 1B: New English File Beginner	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 2 (A2)	GN 2A: New English File elementary	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	GN 2B: New English File elementary	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 3 (B1)	Toeic 400: Introducing Guide to the TOEIC test	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 450: Achieve TOEIC Bridge	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 500: Complete Guide to the TOEIC test	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 4 (B2)	Toeic 550: Easy Pass 1	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 600: Easy Pass 2	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 650: Easy Pass 3	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
Bậc 5 (C1)	Toeic 700: Express to the TOEIC Test 1	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 750: Express to the TOEIC Test 2	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 800: Challenge to the TOEIC Test 1	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18



Bậc 6 (C2)	Toeic 850: Challenge to the TOEIC Test 2	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 900: Challenge to the TOEIC Test 3	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18
	Toeic 950: Achieve TOEIC	48 giờ	2.989.000đ/tháng		14-18



Phụ lục 03:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY, NHÂN VIÊN CỦA TRUNG TÂM



Phòng ban	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn (Văn bằng, chứng chỉ.....)
Giám đốc trung tâm	Vũ Thanh Nga	10/02/1987	Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Đại học Hà Nội
Phòng (quản lí trung tâm)	Hà Hữu Giang	26/03/1989	Cao đẳng quản trị kinh doanh – Đại học công nghiệp dệt may Hà Nội
Phòng kế toán	Chèo Đức Anh	15/12/1998	Cử nhân kế toán – Đại học Tây Bắc
Phòng tuyển sinh	Toán Kiều Ly	4/7/1958	Cử nhân ngôn ngữ anh – Đại học Lạc Hồng
	Dương Thị Thắng	3/26/1989	Cao đẳng tiếng anh – Đại học Thành Đô
	Ngô Thị Huế	12/15/1998	Cử nhân Luật – Đại học Hà Nội
	Vàng Thị Thu	8/12/1960	Đại học
	Nguyễn Bích Phượng	4/24/1986	Cử nhân sư phạm Ngữ văn – Đại học Tây Bắc
Giáo viên giảng dạy Tiếng Anh	Khayvie Eguillon Del Rosario	30/07/1992	Đại học – Chuyên ngành khởi nghiệp kinh doanh
	Jeremiah Jean Pogoy Ramoso	21/09/1997	Đại học – Chuyên ngành giáo dục phổ thông